

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH, TỈNH CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Bảo Trâm

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Kim Chung

Ông Lý Quốc Cường

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Chúc Ni là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

Ngày 08 tháng 6 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 104/2022/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2022 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 97/2022/QĐXX-ST ngày 05 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chi Bùi Thị P, sinh năm 1985, có đơn xin vắng mặt

Địa chỉ: Ấp 7, xã T, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

Chỗ ở hiện nay: Ấp T, xã Lý Văn Lâm, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

2. *Bi đơn*: Anh Nguyễn Văn K, sinh năm 1987, vắng mặt

Địa chỉ: Ấp 7, xã T, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

### 3.1. Bà Bùi Thị R (chị ruột của chị P), có yêu cầu xin vắng mặt

Địa chỉ: Ấp T, xã Lý Văn Lâm, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

3.2. Bà Ngô Thị M (mẹ ruột của chị P), có yêu cầu xin vắng mặt

Địa chỉ: Ấp C, xã Hồ Thi Kỳ, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Tại đơn khởi kiện ngày 06/3/2022, bản tự khai ngày 14/4/2022, chị Bùi Thi P trình bày:

Về hôn nhân: Chị P và anh K tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hồ Thị Kỷ, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau vào ngày 24/3/2009. Quá trình chung sống xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên cự cãi, không có tiếng nói chung. Anh K không lo làm ăn mà gây ra nợ nần và đã về nhà cha mẹ ruột sống từ ngày 06/12/2021 cho đến nay. Vì vậy, chị P yêu cầu được ly hôn với anh K.

Về con chung: Có 02 người con chung tên Nguyễn Ái V, sinh ngày 07/5/2009 và Nguyễn Quang V, sinh 23/01/2021, đang sống với chị P. Khi ly hôn, chị P yêu cầu được tiếp tục nuôi dạy các con chung, không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Gồm phần đất diện tích 147m<sup>2</sup>, thuộc thửa số 428, tờ bản đồ số 9, tọa lạc tại ấp T, xã Lý Văn Lâm, thành phố Cà Mau, nhận chuyển nhượng với giá 130 triệu đồng, do vợ chồng cùng đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Hiện tại chị P đang quản lý đất. Ngoài ra, vợ chồng có 02 chiếc xe mô tô (01 chiếc hiệu Sirius mua với giá 23 triệu đồng cách đây khoảng 10 năm và 01 chiếc xe hiệu Airblade mua với giá 43 triệu đồng vào năm 2018). Cả hai chiếc xe do anh K đứng tên quyền sở hữu. Vào khoảng tháng 01/2021 anh K lấy chiếc xe Airblade đi cầm cố nhưng không cho chị P biết. Sau đó, anh K tiếp tục lấy 04 chỉ vàng 18K của chị P và chiếc xe hiệu Sirius và bỏ về nhà cha mẹ sống cho đến nay. Hai chiếc xe mô tô còn tổng giá trị khoảng 30 triệu đồng.

Tuy nhiên, đối với các tài sản chung nêu trên, chị P tự thỏa thuận với anh K, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng nợ chị ruột của chị P là bà Bùi Thị R 01 chỉ vàng 24K và nợ mẹ ruột chị P là bà Ngô Thị M 02 chỉ vàng 24K. Đối với các khoản nợ này, chị P không yêu cầu Tòa án giải quyết mà để chị và anh K cùng với các chủ nợ tự thỏa thuận.

Quá trình giải quyết vụ án chị P có đơn xin vắng mặt.

\* Tại bản tự khai ngày 23/5/2022, anh Nguyễn Văn K trình bày:

Anh K thống nhất ly hôn theo yêu cầu của chị P do quá trình chung sống xảy ra nhiều mâu thuẫn.

Anh đồng ý để cho chị P tiếp tục nuôi dạy hai con chung là Nguyễn Ái V, sinh ngày 07/5/2009 và Nguyễn Quang V, sinh 23/01/2021, anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, gồm: Phần đất tại ấp T, xã Lý Văn Lâm, thành phố Cà Mau; 02 chiếc xe mô tô trong đó đã bán 01 chiếc, còn 01 chiếc anh đang sử dụng và 02 cây vàng do mẹ chị P đang cất giữ. Đối với các tài sản này anh không yêu cầu Tòa án giải quyết mà để vợ chồng tự thỏa thuận. Nếu sau này không thỏa thuận được anh sẽ khởi kiện bằng vụ án khác.

Về nợ chung: Anh và chị P có nợ bà Bùi Thị R 01 chỉ vàng và nợ bà Ngô Thị M 02 chỉ vàng. Do bà R, bà M không có yêu cầu vợ chồng anh thanh toán nên anh cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Tại bản tự khai ngày 14/4/2022, bà Bùi Thị R trình bày:

Trước đây bà có cho vợ chồng chị P, anh K mượn 01 chỉ vàng 24K. Hiện tại, vợ chồng chị P, anh K vẫn chưa trả cho bà số vàng này. Tuy nhiên, tại vụ án này bà không yêu cầu Tòa án giải quyết số nợ trên mà để bà và vợ chồng anh K, chị P thỏa thuận. Trường hợp không thỏa thuận được bà sẽ khởi kiện tại vụ án khác.

Đồng thời, bà xin vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án.

\* Tại bản tự khai ngày 14/4/2022, bà Ngô Thị M trình bày:

Trước đây bà có cho vợ chồng chị P, anh K mượn 02 chỉ vàng 24K. Hiện tại, vợ chồng chị P, anh K vẫn chưa trả cho bà số vàng này. Tuy nhiên, tại vụ án này bà không yêu cầu Tòa án giải quyết số nợ trên mà để bà và vợ chồng anh K, chị P thỏa thuận. Trường hợp không thỏa thuận được bà sẽ khởi kiện tại vụ án khác.

Đồng thời, bà xin vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Chị Bùi Thị P khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn K. Do anh chị chung sống có đăng ký kết hôn theo quy định nên đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc ly hôn; anh K có địa chỉ tại ấp 7 (trước đây là ấp 6), xã T, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của chị P thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau theo quy

định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án có tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh K nhưng anh K vắng mặt tại các lần xét xử không có lý do. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh K theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án, chị P, bà R, bà M có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự này theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Chị Bùi Thị P và anh Nguyễn Văn K tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại xã Hồ Thị Kỷ, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau vào ngày 24/3/2009. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa anh chị đã tuân thủ về điều kiện đăng ký kết hôn tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại các điều 8, 9 của luật hôn nhân và gia đình nên được pháp luật thừa nhận là vợ chồng. Quá trình thụ lý giải quyết vụ án chị P yêu cầu ly hôn với anh K. Xét thấy, yêu cầu của chị P là có cơ sở. Bởi vì, thời gian chung sống anh chị có phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cự cãi nhau và hiện tại đã sống ly thân từ ngày 06/12/2021 cho đến nay. Mặt khác, tại bản tự khai ngày 23/5/2022, anh K cũng thống nhất ly hôn theo yêu cầu của chị P. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử lý cho chị Bùi Thị P và anh Nguyễn Văn K được ly hôn.

[4] Về con chung: Thời gian chung sống, anh chị có 02 người con chung tên Nguyễn Ái V, sinh ngày 07/5/2009 (giới tính nữ) và Nguyễn Quang V, sinh 23/01/2021 (giới tính nam). Xét thấy, việc chị P yêu cầu tiếp tục nuôi dạy các con chung là có căn cứ. Bởi vì, các cháu hiện đang do chị P nuôi dạy, việc hoán đổi nuôi con sẽ làm ảnh hưởng đến tình cảm của cháu. Mặt khác, tại tờ tự khai ngày 06/3/2022, cháu V có nguyện vọng được sống với chị P. Đối với cháu V hiện dưới 36 tháng tuổi. Hơn nữa, tại bản tự khai ngày 23/5/2022, anh K cũng thống nhất để cho chị P tiếp tục nuôi dạy các con chung. Vì vậy cần giao cháu V và cháu V cho chị P tiếp tục nuôi dạy là phù hợp theo quy định tại các điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Đối với việc cấp dưỡng nuôi con: Chị P không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Chị P và anh K tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về nợ chung: Chị P, anh K, bà R, bà M không yêu cầu giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Chị Bùi Thị P phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng các điều 56, 59, 81, 82, 83 của luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chị Bùi Thị P và anh Nguyễn Văn K được ly hôn.
2. Về con chung: Giao các cháu Nguyễn Ái V, sinh ngày 07/5/2009 (giới tính nữ) và Nguyễn Quang V, sinh 23/01/2021 (giới tính nam) cho chị Bùi Thị P tiếp tục nuôi dạy. Anh Nguyễn Văn K không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Anh K không trực tiếp nuôi dạy các con chung nhưng anh có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung phù hợp với quy định pháp luật mà không ai được quyền cản trở.
3. Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan tự thỏa thuận, không ai yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.
4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Bùi Thị P phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Vào ngày 25 tháng 3 năm 2022 chị P có nộp 1.050.000 đồng (một triệu không trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0014834 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau được đối trừ, chị P được nhận lại 750.000 đồng (bảy trăm năm mươi nghìn đồng).
5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện Thới Bình;
- Chi cục THADS huyện Thới Bình;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- UBND xã Hồ Thị Kỷ;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Lê Thị Bảo Trâm**